

## LẠI BÀN VỀ TÔN GIÁO

ĐẶNG NGHIÊM VẠN<sup>(\*)</sup>

1. Năm 1999, toà Tổng Giám mục Huế tổ chức một cuộc hội thảo về vấn đề *Tôn kính tổ tiên*. Là người tham dự, tôi cứ nghĩ mãi tại sao Toà thánh La Mã, cơ quan tối cao của một tôn giáo độc thần, sau một thời gian dài cấm đoán, nay lại chấp nhận cho các con chiên tôn kính tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ.<sup>(1)</sup> Trong cuộc hội thảo đó, một số linh mục nhấn mạnh tôn kính chứ không thờ cúng, vì bên đạo chỉ dành riêng việc thờ cúng cho Đức Chúa Trời, ngay Đức Mẹ Maria cũng chỉ là biệt kính. Tôi nghĩ mãi, với người Việt Nam bình thường làm sao có thể phân biệt được sự tưởng niệm, sự tôn kính với sự thờ cúng. Đứng trước mộ chị Võ Thị Sáu, cũng thắp hương, cũng dâng lễ vật, cũng khấn vái, ai là người tôn kính chị, ai là người thờ cúng chị? Cùng tham dự ngày giỗ tổ tiên của dòng họ, ai là người tưởng niệm, ai là người thờ cúng?

Trong một đất nước *ai cũng là người thờ cúng các thánh thần, các vong linh người đã khuất và ai cũng sẽ là đối tượng được thờ cúng*, chỉ ít nếu là người bình thường, được con cháu, nếu có công với làng xóm, được

người cùng quê, có công lớn được đồng bào một vùng hay cả nước thờ cúng, xưa như Trần Hưng Đạo, Chu Văn An, Nguyễn Công Trứ, v.v...; nay thì như Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Định, v.v... Gần đây, ông Giám đốc Sở Thủy sản Thừa Thiên – Huế Phan Thế Phương cũng được người dân vùng phá Tam Giang lập miếu thờ<sup>(2)</sup>. Mỗi dân tộc, mỗi tộc người đều có tâm thức tôn giáo của riêng mình, rất khó thay đổi. Người Việt Nam hiện nay theo nhiều tôn giáo. Nhưng tất cả người Việt Nam lại theo một hình thức tôn giáo được truyền lại từ ngàn xưa, với những biểu hiện đậm, nhạt khác nhau. Đó là đạo Tổ Tiên theo nghĩa rộng. Có thể nói không quá, không người Việt Nam nào không thờ tổ tiên. Đạo thờ Tổ là bệ đỡ cho các tôn giáo tồn tại và phát triển, thiếu nó các tôn giáo trở nên một vật lạ đối với dân tộc.

\*. GS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Theo tinh thần của *Huấn thị Plane Compertum est* (8/12/1939) của Giáo hoàng Piô XIII và *Nghị quyết của Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 1964*.

2. Ông là người đã đưa hàng vạn dân vùng phá Tam Giang trước du cư trên biển, nay định cư nuôi tôm, giàu có. Ông mất trong một tai nạn, được dân trong vùng lập nhiều miếu thờ như phúc thần, giống như Nguyễn Công Trứ với dân hai huyện Kim Sơn (Ninh Bình) và Tiên Hải (Thái Bình).

Thông qua đó, ta nhận ra tâm thức tôn giáo của người dân vùng Viễn Đông nói chung và người dân Việt Nam nói riêng là đa/phiếm thần, cho dù họ đã là tín đồ một tôn giáo độc thần hay đa thần. Mỗi cá nhân dễ dàng tham gia nhiều hành vi tôn giáo của các tôn giáo khác nhau.<sup>(3)</sup> Trên điện thờ của ngôi chùa xưa, ta thấy các vị Phật, Nho, Đạo, các thánh thần địa phương ngồi chung với nhau. Điều đó cũng không khác gì các tôn giáo được gọi là Ấn Độ giáo (*Hinduism*), chỉ vì những tộc người khác nhau ở Ấn Độ dù theo các nghi lễ, thờ các vị thần khác nhau, thuộc các tộc người, các đẳng cấp khác nhau, đều có chung một niềm tin vào cái nghiệp (*karma*), kiếp luân hồi (*samsāra*), sự giải thoát (*moksa*), đều ăn chay, bất bạo động do tôn trọng sự sống (*ahimsā*) và thờ cúng con bò cái do ảnh hưởng của kinh Veda<sup>(4)</sup>. Họ cũng không ngần ngại tham gia lễ hội các tôn giáo nội sinh khác nhau như đạo Phật, đạo Giaina (*Jainism*), đạo Xích (*Sikhism*)..., nhưng không tham gia lễ hội các tôn giáo ngoại sinh như Hồi giáo, Kitô giáo, Bái Hoả giáo (*Parseeism*) của Ba Tư v.v...<sup>(5)</sup> Nếu ngó qua đạo Shinto tức Thần đạo (ở Nhật Bản), ta cũng thấy tình hình tương tự<sup>(6)</sup>, không khác gì ở Trung Hoa, ở Hàn Quốc.

Ta cũng lại thấy tình hình đó ở các dân tộc thiểu số nước ta. Tính đa/phiếm thần thật rõ ràng. Ở vùng Đông-Bắc, Đạo giáo quyện vào các tôn giáo khác, tạo nên một tổ chức với một hệ thống chức sắc gồm ông thầy Tào là hàng phẩm trật cao nhất, rồi

đến các ông (bà) Then, Pụt, Mo, Ngạn... thuộc đạo Phật và các tôn giáo địa phương. Các tín đồ ảnh hưởng của đạo Balamôn giáo và đạo Ba Ni<sup>(7)</sup> của dân tộc Chăm tham dự chung các lễ hội liên quan đến cộng đồng *plor* (làng) và đến lễ thức nông nghiệp. Chỉ có bộ phận Islam ở Nam Bộ chuyển cư từ Malaysia, Campuchia trở về, mới theo đạo Hồi đầy đủ, tự nhận là Chà Và Kur, nhưng vẫn phải chấp nhận chế độ mẫu hệ với việc thờ cúng truyền thống.

2. Như vậy, không chỉ một cá nhân, mà cả một cộng đồng dân tộc hay tộc người đều tiềm ẩn trong mình một tâm thức tôn giáo, và hình thức tôn giáo đó cứ tồn tại và tồn tại cho đến khi cá nhân đó, cộng đồng đó bị diệt vong (cũng có trường hợp cộng đồng thay đổi tôn giáo, nhận một tôn giáo khác là tôn giáo của mình, với những đặc trưng nhất định). Hầu hết giới khoa học đều

3. Ở Nhật Bản, mỗi người Nhật tham gia 2,08 tôn giáo khác nhau (theo số liệu của Bộ Giáo dục Nhật Bản năm 2001; năm 1998 là 1,98). Tình hình đó cũng dễ thấy ở Trung Hoa, Đài Loan, Ấn Độ, v.v... Ở Việt Nam, theo điều tra của Viện Nghiên cứu Tôn giáo năm 1995, bộ phận Kitô giáo tham gia 2,07 hành vi tôn giáo; bộ phận không Kitô giáo: 3,21. Xem: Đặng Nghiêm Vạn. *Lí luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia (tái bản), Hà Nội 2003, tr. 237.

4. J.Kapini. *L'Hindouisme*. Trong J.Delumeau. *Le fait religieux*. Fayard, Paris 1993, tr. 379.

5. J. Kapini. Sđd, tr.392.

6. J.P. Berthon. *Le Shinto*. Trong cuốn sách đã dẫn của J. Delumeau, 1993, tr. 611-644.

7. Một biến tướng của đạo Islam đã Chăm hoá đến nỗi các tín đồ không làm lễ 5 lần trong ngày, không tiến hành tháng Ramadan, không đi hành hương đến La Mecca.

thống nhất rằng, từ khi hình thành con người hiện đại sớm (*Homo sapiens*), tức là khi con người đã bắt đầu biết tổ chức thành xã hội ổn định, tôn giáo mới manh nha xuất hiện. Theo R. Garaudy: “Con người khác con vật là ở chỗ biết chôn đồng loại”. Do vậy, ở thời kì Neanderthal, cách hiện nay khoảng 95.000 – 35.000 năm xuất hiện các mộ táng, có hố huyệt, thi hài được xếp đặt ngay ngắn theo ý muốn của người sống, có nơi còn được trải hoa. Một số người quan niệm, tín ngưỡng tôn giáo đã xuất hiện từ thời kì này. Nhưng đa số các học giả cho rằng, chưa đủ chứng cứ qua mộ táng để chứng minh con người thời đó đã có ý niệm về thế giới bên kia. Rất có thể hành động chôn cất chỉ xuất phát từ tình thương và sự sợ hãi, xa lánh thân xác mục rữa của người thân. Hành động đó chắc gì vì niềm tin tôn giáo.

Phải đến hậu kì đồ đá cũ, cách hiện nay khoảng 45.000 - 15.000 năm, con người Cromagnon, còn gọi là con người hiện đại muộn (*Homo sapiens sapiens*), đã dần chuyển sang sản xuất nông nghiệp, tổ chức thành xã hội thị tộc - bộ lạc khá ổn định, đã chôn đồng loại kèm theo lương thực, các công cụ, dụng cụ hàng ngày, v.v... tức là biết sắp xếp cho người thân đã khuất điều kiện cần thiết để tiếp tục “sống” ở thế giới bên, lúc đó tôn giáo mới ra đời. Như vậy, tôn giáo ra đời cùng với xã hội loài người, cùng với con người xã hội.

Ở thời kì thị tộc, totem giáo xuất hiện nhằm củng cố sự thống nhất cộng đồng thị tộc. Sang đến thời kì bộ lạc, việc sùng bái thần bộ lạc là hình thức tôn giáo nhằm cố kết các thành viên cùng bộ lạc<sup>(8)</sup>. Nông nghiệp xuất hiện, trở thành nguồn kinh tế chính nuôi con người, hình thức tôn giáo dân tộc nảy sinh để củng cố cộng đồng quốc gia dân tộc mới ra đời<sup>(9)</sup>. Hình thức này, ta thấy xuất hiện ở tất cả các quốc gia dân tộc như ở các nước Châu Mỹ tiền Còlông, ở các nước Ai Cập, Hy Lạp, Trung Cận Đông thời cổ đại, cũng như ở Trung Hoa, Ấn Độ, Đông Nam Á trước khi xuất hiện các tôn giáo mang tính phổ quát như Phật giáo, Nho giáo, Kitô giáo, Hồi giáo. Ở các tôn giáo mang tính phổ quát này, chỉ mới xuất hiện cách đây trên dưới 2.000 năm, giáo lí cùng với các thánh thần không bị ràng buộc vào một quốc gia dân tộc cụ thể nào, mà theo nhu cầu thiết lập các đế chế lại mang tính siêu quốc gia.

Các thành viên từng cộng đồng người (thị tộc, bộ lạc, quốc gia dân tộc) đều có chung một tôn giáo, đa thần hay độc thần hoặc nhiều tôn giáo, được liên kết với nhau theo nguyên tắc hoà nhi bất đồng. Nhà

8. Xem thêm: X.A.Tokarev. *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1994.

9. Trên thực tế, hầu hết các quốc gia dân tộc ra đời từ các bộ lạc hay liên minh bộ lạc. Vì vậy, thuyết từ bộ lạc chuyển qua bộ tộc rồi đến chủ nghĩa tư bản mới hình thành dân tộc của J. V. Stalin đã lỗi thời và bị phê phán.

nước phải dựa trên một tôn giáo để trị nước. Chiến tranh tôn giáo xảy ra chỉ là sự tranh chấp tính độc tôn của một tôn giáo trong một nước, như ở Châu Âu thời Trung cổ. Khái niệm tự do tôn giáo chưa thể xuất hiện vào thời kì này. Phải đến khi công nghiệp ra đời, với sự xuất hiện chủ nghĩa tư bản, khái niệm tự do tôn giáo mới hình thành, kéo theo sự phá bỏ tình trạng độc quyền của một tôn giáo trong thế giới độc thân.

Phải chăng biểu hiện của tôn giáo, với sự xuất hiện những hiện tượng tôn giáo mới như một phong trào từ thập kỉ 60 - 70 của thế kỉ XX đến nay<sup>(10)</sup>, báo hiệu một sự thay đổi nhận thức về tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hoá và bắt đầu xuất hiện một xã hội trí tuệ. Có thể đồng tình với thái độ của J. Delumeau trước những cái đã lỗi thời trong các tín điều của tôn giáo thường được viết ra cách đây hàng nghìn năm: “Những điều cốt yếu của lời rao giảng kinh Phúc Âm vẫn sẽ không thay đổi, nếu như trái đất vẫn cứ quanh xung quanh mặt trời, thế giới vẫn đã cần 15 tỉ năm để hình thành, nếu như câu chuyện về sự sáng tạo trong sách Sáng Thế không được hiểu như một trang lịch sử. Điều đó là sự thật của đạo Kitô, thì cũng là sự thật của các tôn giáo lớn khác”<sup>(11)</sup>. Và tín đồ các tôn giáo cũng nghĩ như vậy, đâu có khó tính như các nhà khoa học, các nhà triết học, vì một lẽ đơn giản là cái nhu cầu vô hình đó khó có thể dứt bỏ, khi

con người luôn muốn được bay bổng bằng những huyền thoại, luôn mơ tưởng một thế giới toàn mỹ, khác xa với đời sống đời thường đầy lo âu, nhiều đau khổ, luôn muốn kéo dài cuộc sống quá ngắn ngủi dưới trần gian, một cuộc sống như “bóng câu qua cửa sổ”. Nếu sự thật chết là lại trở về với đất thành cát bụi, thì trong thâm tâm chắc ít ai muốn. Tôn giáo đem lại cho họ nguồn an ủi, biến cái chết thành một sự thay đổi “bình thường” như về với tổ tiên, lên cõi Niết Bàn hay về với Chúa, chí ít thì cũng như Ph. Ăngghen hay Chu Ân Lai mong được xác đốt thành tro đem rắc để “hồn” được hoà quyện hay quanh quẩn ở nơi khi sống đối với mình là thân thương. Lại thêm, khoa học đâu đã giải thích được ba câu hỏi vĩnh cửu của từng con người xung quanh *cái sinh, cái trưởng và cái chết*.

3. Có người quan niệm, con người ban đầu đã là con người tôn giáo (Homo religieuse). Nói như vậy phải chăng là cực đoan. Tôn giáo chỉ mới xuất hiện rất, rất muộn, nếu so với tuổi của Con Người. Người ta đã phát hiện bà mẹ Lucy ở Ethiopie, vùng Đông Phi, thuộc cộng đồng người vượn Australopithecus afarensis cách

10. Hiện nay, trên thế giới đã xuất hiện hàng nghìn các hiện tượng tôn giáo mới chỉ trong vòng 30-40 năm. Ở Mỹ có số lượng nhiều nhất, rồi đến các nước công nghiệp Châu Âu, Nhật Bản. Ở nước ta hiện nay đã có khoảng 50 hiện tượng tôn giáo mới, nội sinh hay ngoại nhập.

11. J. Delumeau. *Des religions et des hommes*. Paris 1977, tr. 377.

đây khoảng 3- 4 triệu năm<sup>(12)</sup>. Nếu so với thời kì Con Người đứng thẳng (*Homo erectus*) đã từ trên cây xuống sống trên mặt đất cách đây 1 triệu đến 1,8 triệu năm, thì cũng đã có một thời gian quá dài, con người sống chưa biết hay đúng hơn chưa quan niệm được tôn giáo là gì.

Nếu tính trung bình mỗi thế hệ cách nhau 20-25 năm, thì từ khi Con Người biết đến tôn giáo cho tới ngày nay cũng đã được hàng nghìn thế hệ. Nếu hiểu theo thuyết di truyền mang tính sinh học hay theo tính truyền thống mang tính xã hội, ta có thể nghĩ rằng, trong mỗi cá nhân chúng ta hiện nay, luôn tiềm ẩn một cái thiêng tôn giáo, một căn tính tôn giáo. Cái thiêng đó khi ẩn, khi hiện tùy theo thái độ ứng xử của từng người. Người già bộc lộ rõ hơn người trẻ; người gặp nhiều trắc trở hay đau yếu dễ bộc lộ tính tôn giáo hơn người khoẻ mạnh, người may mắn; đàn bà dễ tìm đến tôn giáo hơn đàn ông. Tùy theo môi trường xã hội và sự giáo dục của hoàn cảnh xung quanh, có thể có thế hệ này “vô thần” hơn thế hệ khác.

**4. Lại nói về vô thần.** Về cơ bản, vô thần quan hệ với chủ nghĩa duy vật, nhưng không hẳn là duy vật. Những người dân tự tuyên bố là vô thần ở Châu Âu trong thế kỉ XVII - XVIII, thực chất là chống lại hoặc không theo Kitô giáo. S. Amin trong cuốn *Chủ nghĩa trung tâm Châu Âu: Phê phán một ý thức hệ*<sup>(13)</sup> cũng nhận thấy

chủ nghĩa vô thần kiểu Didérot, Voltaire, Robespierre đòi tiêu diệt tôn giáo<sup>(14)</sup> phải được hiểu là một thứ chủ nghĩa duy vật máy móc, thậm chí còn thô bạo. Nhiều khi tưởng chừng như nó đối lập với chủ nghĩa duy tâm, nhưng thực ra lại là đứa bé sinh đôi của một thứ tôn giáo, một bên là hữu thần, một bên là vô thần. Ông coi hai thứ duy vật và duy tâm đó như hai mặt của một chiếc mê day và cả hai ý thức hệ đó lại dễ cặp đôi với nhau.

Theo tôi, ở miền Viễn Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, trong một thế giới đa/phiếm thần, *khi mà bất kì ai cũng thờ cúng và ai cũng sẽ là đối tượng được thờ cúng, thì khó có một ai là vô thần*. Họ có thể theo trường phái duy vật hay duy tâm, nhưng đều là người theo một tôn giáo. Cũng xin thông báo rằng, hiện nay có một hiện tượng, không phải là không phổ biến, có những tín đồ không thực hành (*non pratiquants*), tức không tham gia nghi lễ tôn giáo. Họ thờ Chúa trong suy nghĩ, cũng như thờ Phật tại tâm. Ở Châu Âu hiện nay, phần đông các tín đồ Kitô

12. G. Pette, B. Senut. *Lucy retrouvée*. Flammarion 1994. Gần đây, ở nước Cộng hoà Tchad thuộc Trung Phi, phát hiện một hộp sọ người đặt tên là *Toumai* (Hy vọng sống) với tên khoa học là *Sahelanthropus*, có tuổi thọ khoảng 7 triệu năm. Vấn đề còn đang được các nhà cổ nhân học xem xét thêm và chưa khẳng định (theo *Nature*, 2002).

13. S.Amin. *L'Eurocentrisme. Critique d'une idéologie*. Anthropos, Paris 1988, tr. 55-60.

14. Ví dụ như thái độ của Nietzsche đã gào lên: “Chúng ta đã giết Chúa”, như H. Heine đã nguyên rủa Thượng Đế và nhà vua, như Voltaire: Tôn giáo sẽ chết, và ông cho rằng ngày đó sẽ diễn ra vào thế kỉ XX.

giáo không thực hành, hay đúng hơn Chúa chỉ hiện diện trước họ trong ba nghi lễ: Lễ Rửa tội, Lễ Hôn phối và Lễ Xức dầu kẻ liệt. Đa số họ là những người nhạt đạo. Nhưng trong số họ, một số lại đậm đạo vì họ có một niềm tin vững chắc, không cần viện đến nghi lễ, vì nghi lễ là một hình thức, một hành vi giúp người ta “tạo nên một sự tin tưởng bền vững và chắc chắn”<sup>(15)</sup>, mà bản thân họ tự thấy không cần thiết vì đã tự tin rồi; hay nghi lễ chỉ là phương tiện dẫn con người gắn chặt thêm với đối tượng mà họ thờ cúng, mà họ gắn bó.

5. Vậy phải chăng chúng ta cần thống nhất một định nghĩa tối thiểu về tôn giáo: Theo định nghĩa của E. Tylor, tôn giáo là niềm tin vào các thực thể vô hình như thần thánh, ma quỷ, vong hồn...<sup>(16)</sup>; hay theo định nghĩa của E. Durkheim, tôn giáo là niềm tin vào các thực thể được nhân cách hoá, mà người ta gọi là thần thánh, ma quỷ... mang tính *thiêng liêng*; còn theo định nghĩa của J. Wach: “Tôn giáo là kinh nghiệm về cái thiêng”<sup>(17)</sup>. Cái thiêng ở đây phải được hiểu là cái thiêng tôn giáo. Tôn giáo là một bộ phận của ý thức hệ, của văn hoá tinh thần, của hệ tư tưởng, vậy tại sao nó lại phải hiểu là một cộng đồng, một tổ chức? tại sao lại cần phải có giáo lí, giáo luật, giáo lễ mới là tôn giáo? Sự lầm lẫn đó còn đang hiện diện, do sự lầm lẫn giữa tôn giáo với tư cách là một khái niệm, với tôn giáo là hình thức của

một tôn giáo cụ thể. Phải chăng hình thức tôn giáo cũng lại rất đa dạng, đa dạng đến nỗi một vị có quyền uy trong Giáo hội Công giáo đã có ý kiến phủ nhận Phật giáo như một tôn giáo<sup>(18)</sup>, hoặc còn có ý kiến tranh cãi coi Nho giáo có phải là một hình thức tôn giáo hay không.

Một câu hỏi đặt ra: thế nào là một tôn giáo hoàn chỉnh? Đúng là tục cầu tự, tục sản ông (*couvade*) là một yếu tố tôn giáo không nằm trong một tôn giáo; đúng là có tôn giáo có tổ chức chặt chẽ như một nhà nước (Công giáo), có tổ chức lỏng lẻo như Phật giáo do tín đồ tự giác theo, hoặc tự nguyện bỏ đạo không “bị khai trừ”, thậm chí có tôn giáo không cần có tổ chức như đạo Hoà Hảo, tín đồ cơ bản là tu tại gia, v.v...<sup>(19)</sup> Nhưng sẽ như thế nào nếu quan niệm các tôn giáo đều bình đẳng? Vậy có thể có một tôn giáo hoàn chỉnh và cũng có thể có một tôn giáo chưa hoàn chỉnh nhưng

15. J.Cazaneuve. *Sociologie des rites*. PUF, Paris 1971, tr. 13.

16. E.Tylor. *Văn hoá nguyên thủy sơ khai của đời sống tôn giáo* (bản tiếng Việt) trong *Về tôn giáo*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội 1993, tr. 139.

17. J.Wach. *Sociology of Religion*. Chicago 1944.

18. Gioan Phaolô II. *Bước qua ngưỡng cửa hy vọng*. Bản dịch của Trần Thái Đình, theo cuốn *Entrez dans L'espérance*. Plon-Manc, Paris 1994, tr. 104-109.

19. Đó là tác giả chưa xét đến các hiện tượng tôn giáo mới, các tôn giáo thế tục (*religion séculière*), v.v... đang xuất hiện như một phong trào, nói như A. Malraux “đang diễn ra trước mắt ta dưới một dạng khác hẳn với sự hiểu biết của chúng ta, cũng như đạo Kitô đã làm với các tôn giáo cổ đại (tôi nói là ở Châu Âu - ĐNV). Nhưng nó sẽ không còn là vấn đề Đấng Tối cao”. Trích trong: *Sortie des religions, retour du religieux*. Paris 1993, tr. 13.

lại có cả một cộng đồng người tin theo?

**6. Mỗi cộng đồng tôn giáo hiểu tôn giáo một cách khác nhau, có một tâm thức tôn giáo khác nhau<sup>(20)</sup>. Hiểu tôn giáo một cách đúng đắn và rộng rãi để dẫn đến xu thế hoà nhi bất đồng, không đối đầu mà tôn trọng lẫn nhau, như ở nước ta trong thời kì cổ trung đại đâu có chiến tranh tôn giáo. Tình hình đó ngược lại với Châu Âu, ở đây lịch sử cổ trung đại là lịch sử chiến tranh dưới ngọn cờ tôn giáo. Tôn giáo trước hết là khoan dung, là chấp nhận đức tin tôn giáo khác nhau của mọi người. Tôn giáo là nhân ái, là cứu đời, là vị tha.**

Tôi thích thái độ của A. Einstein không coi tôn giáo là một cái gì đó mà con người phải phụ thuộc, vì nỗi lo sợ quyền uy của Chúa, của các thánh thần, như những lực lượng trừng phạt họ, buộc họ phải vâng lời, mà ngược lại, tôn giáo “dẫn dắt cuộc đời và lòng can đảm của họ, đã thành công trong việc thoát khỏi xiềng xích của lòng ham muốn ích kỉ”<sup>(21)</sup>. Và phải chăng như Hồ Chí Minh, trong câu nói được nhiều người trích dẫn: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái, cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó là lòng yêu nước, chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, C. Mác, Tôn Dật

Tiên chẳng có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay, họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau một cách hoàn mĩ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị đó”<sup>(22)</sup>. Thật vậy, như A.Einstein đã thấy “ở các vị sáng lập tôn giáo, tư tưởng đã toả sáng ra tất cả các thời đại”<sup>(23)</sup>; như Hồ Chí Minh cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy, còn chúng ta cần thấy các vị là những người luôn hướng Thiện trừ Ác. Vì vậy, chúng ta phải cùng nhau đoàn kết lại để xây dựng đất nước, rửa cái nhục nghèo nàn, lạc hậu làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tất nhiên, tôn giáo chỉ có thể đóng góp phần tích cực của nó bằng cách tự làm trong sạch bản thân, xoá bỏ những điều mê tín, lỗi thời như mong ước của D. Boenhoffer: “Tôi thích nói đến Chúa không ở những hạn chế của nó, mà ở điều cốt lõi, không ở tính yếu đuối, mà ở sức mạnh của nó, không ở cái chết tội lỗi, mà ở cuộc sống và sự tốt đẹp của

20. Tôi không muốn dùng thuật ngữ tâm linh vì có cái linh thiêng tôn giáo, có cái linh thiêng thế tục.

21. A.Einstein. *Comment je vois le monde*. Flammarion, Paris 1979, tr. 20.

22. Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (bản Trung văn). Nxb Tam Liên, Thượng Hải 1949, tr. 91.

23. D.Boenhoffer. *Résistance et soumission* (Lettres de prison). Labeoret Fidès, Genève 1963, tr. 122-123.

con người”<sup>(24)</sup>. Tôn giáo sẽ đóng góp “hương thơm” (C.Mác) của mình một cách khiêm tốn để xây dựng một Thiên Đường ngay trên mặt đất vì “quê hương là nơi chúng ta được Thiên Chúa mời gọi làm người... Dân tộc này là cộng đồng mà Chúa trao cho chúng ta để phục vụ với tính cách vừa là công dân vừa là thành phần dân Chúa”<sup>(25)</sup>. Hay như Nguyễn Khắc Dương đã nói: “Làm thế nào cho tâm hồn người Công giáo thấm nhuần cái hồn, cái thần của nền văn hoá Việt Nam trong chiều kích sâu xa của tâm linh”<sup>(26)</sup>.

Tôn giáo sẽ chỉ trở nên trong sáng, tìm lại bản chất hướng Thiện của mình một khi lên án những hoạt động có tính lợi dụng tôn giáo nhằm chống lại Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vi phạm luật pháp, một khi làm sao để các cơ sở tôn giáo trở thành một không gian thiêng, các lễ

hội được tổ chức trong một thời gian thiêng, không bị vẩn đục bởi những hành vi mê tín, những tanh hôi của đồng tiền, những việc làm trái pháp luật, chống lại Tổ quốc, để các chức sắc tôn giáo trở thành người đại diện thật sự của Chúa, của Phật, của thánh thần.

Mong rằng, ở Việt Nam, *tiếng chuông nhà thờ, cùng tiếng trống sân đình, tiếng mõ nhà chùa quyện trong hương khói của ban thờ tổ tiên*. Mọi tôn giáo đoàn kết, đại đoàn kết trong khối thống nhất không gì lay chuyển nổi của toàn dân tộc cùng nhau bảo vệ và xây dựng đất nước hùng cường. Đó phải chăng là cái cốt lõi của mọi tôn giáo!

25. Thư chung của Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 1980.

26. GS. Thế Tâm – Nguyễn Khắc Dương. *Hội nhập văn hoá, vấn đề hay huyền diệu*. Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 100, tháng 4 năm 2003, tr. 49-58.